TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày: 20/4/2023
Về việc: "Tranh chấp tiền bồi thường di dời mồ mả".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**
2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quyên**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quốc Thắng**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Tiền bồi thường di dời mồ mả" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1951
Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé M**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn M**, sinh năm 1963
Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Ông Nguyễn Văn H và ông Lê Văn M có mặt tại phiên tòa,
bà Nguyễn Thị Bé M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2022 của ông Nguyễn Văn H, đơn yêu cầu độc lập đề ngày 07/10/2022 của ông Lê Văn M, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải ngày 09/11/2022, ngày 24/3/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Vào năm 2001, tôi có bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ khoảng 80m^2 và hàng rào xung quanh để bảo vệ nhà mồ khoảng 78,80m^2 tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc phần đất của dì ruột tôi là bà Ngô Thị Chốc (Chóc), ngày khởi công xây

dựng là 12/6/2001 âm lịch, ngày hoàn thành là 15/9/2001 âm lịch. Trong nhà mồ này có 07 ngôi mộ của những người thân gồm có: Phần mộ của ông bà ngoại và cha ruột của bà Nguyễn Thị Bé M là ông Ngô Văn Mùi, bà Lưu Thị Phu, ông Nguyễn Văn Cư; phần mộ của cha mẹ và em dâu tôi là ông Nguyễn Văn Phạn, bà Ngô Thị Gương, bà Nguyễn Thị Tuyết và 01 ngôi mộ của người dì tên Ngô Thị Sinh (Xinh) có con duy nhất là Lê Văn M. Cha tôi tên Nguyễn Văn Phạn, chết vào năm 1997; mẹ tôi tên Ngô Thị Gương, chết vào năm 1978. Lúc sinh thời thì cha mẹ tôi có 04 người con gồm: Tôi, bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Đèo. Em dâu tôi tên Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1964, chết vào năm 1994, chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết là ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1963, ông Tâm và bà Nguyễn Thị Tuyết có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc Thùy, sinh năm 1983, Nguyễn Thùy Dung, sinh năm 1986, Nguyễn Long Hồ, sinh năm 1988.

Do Nhà nước quy hoạch giải tỏa để làm đường 3/2 nối dài từ Rạch Giá ngang qua huyện Châu Thành nên phần nhà mồ, hàng rào xung quanh nhà mồ và 07 ngôi mộ của thân tộc chúng tôi cũng thuộc diện phải giải tỏa, di dời. Khi giải tỏa thì Nhà nước có đền bù và hỗ trợ di dời như sau:

- Phần mồ mả thì Nhà nước hỗ trợ di dời mỗi cái mồ là 34.980.000 đồng, tổng cộng là 244.860.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Thị Bé M đã nhận đủ và giao lại cho tôi là 104.940.000 đồng vào ngày 27/7/2022.

- Phần nhà mồ được Nhà nước bồi thường là 299.080.800 đồng, số tiền này bà Bé M đã nhận đủ và giữ lại.

- Phần hàng rào nhà mồ được Nhà nước bồi thường là 116.228.000 đồng, số tiền này bà Bé M đã nhận đủ và giữ lại.

Tôi thấy việc bà Bé M nhận toàn bộ số tiền bồi thường nhà mồ và hàng rào nhà mồ nhưng không chia lại cho chúng tôi là không đúng, lẽ ra số tiền này phải trả hết lại cho tôi vì toàn bộ số tiền này do tôi bỏ ra xây cất trước đây. Tuy nhiên, sau khi Nhà nước giải tỏa thì mỗi người có trách nhiệm đem hài cốt của người thân của mình về đất riêng của mình để chôn cất, làm lại nhà mồ, do vậy số tiền trên cũng phải chia được làm 07 phần của 07 ngôi mộ thì mới phù hợp, mặc dù tôi bị thiệt thòi nhưng tôi vẫn chấp nhận.

Hiện nay phần đất mà bà Nguyễn Thị Bé M bị thu hồi có các phần mộ, nhà mồ, hàng rào nhà mồ nêu trên thì phần nhà mồ, hàng rào nhà mồ còn nguyên vẹn và chỉ còn 03 ngôi mộ là mộ của ông Ngô Văn Mùi, mộ của bà Lưu Thị Phu và mộ của ông Nguyễn Văn Cư. Phần mộ ông Nguyễn Văn Phạn và phần mộ bà Ngô Thị Gương thì tôi đã di dời về đất của tôi vào ngày 06/10/2022 âm lịch. Phần mộ của bà Ngô Thị Sinh (Xinh) thì ông Lê Văn M đã di dời về đất của ông Lê Văn M. Phần mộ của bà Nguyễn Thị Tuyết thì ông Nguyễn Văn Tâm đã di dời về đất của ông Nguyễn Văn Tâm.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Công nhận số tiền 415.308.800 đồng, trong đó: Tiền bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng là tiền được bồi thường chung cho người thân có 07 ngôi mộ gồm:

- Tôi có 03 ngôi mộ của người thân là cha, mẹ và em dâu.

- Bà Nguyễn Thị Bé M có 03 ngôi mộ của người thân là ông bà ngoại và cha ruột.

- Ông Lê Văn M có 01 ngôi mộ của người thân là bà Ngô Thị Sinh.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải chia số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 415.308.800 đồng làm 07 phần cho: Tôi 03 phần là 177.987.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé M 03 phần là 177.987.000 đồng và ông Lê Văn M 01 phần là 59.329.000 đồng; trong đó bà Nguyễn Thị Bé M phải hoàn lại cho tôi số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 177.987.000 đồng.

** Ông Lê Văn M trình bày:*

Tôi là con duy nhất của bà Ngô Thị Sinh. Vào năm 2001, ông Nguyễn Văn H (là anh bà con bạn dì với tôi) có bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ khoảng 80m^2 và hàng rào xung quanh để bảo vệ nhà mồ khoảng 78,80m^2 tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc phần đất của dì ruột tôi là bà Ngô Thị Chốc (Chóc). Trong nhà mồ này có 07 ngôi mộ của những người thân gồm có: Phần mộ của ông bà ngoại và ba ruột của bà Nguyễn Thị Bé M, phần mộ của cha mẹ và em dâu ông Nguyễn Văn H và 01 ngôi mộ của mẹ tôi tên Ngô Thị Sinh (Xinh). Bà Ngô Thị Sinh sinh năm 1935, chết vào năm 2001.

Do Nhà nước quy hoạch giải tỏa để làm đường 3/2 nối dài từ Rạch Giá ngang qua huyện Châu Thành nên phần nhà mồ, hàng rào xung quanh nhà mồ và 07 ngôi mộ của thân tộc chúng tôi cũng thuộc diện phải giải tỏa, di dời. Khi giải tỏa thì Nhà nước có đền bù và hỗ trợ di dời như sau:

- Phần mồ mả thì Nhà nước hỗ trợ di dời mỗi cái mồ là 34.980.000 đồng, tổng cộng là 244.860.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Thị Bé M đã nhận đủ và giao lại cho tôi là 34.980.000 đồng vào ngày 27/7/2022.

- Phần nhà mồ được Nhà nước bồi thường là 299.080.800 đồng, số tiền này bà Bé M đã nhận đủ và giữ lại.

- Phần hàng rào nhà mồ được Nhà nước bồi thường là 116.228.000 đồng, số tiền này bà Bé M đã nhận đủ và giữ lại.

Việc bà Bé M nhận toàn bộ số tiền bồi thường nhà mồ và hàng rào nhà mồ nhưng không chia lại cho chúng tôi là không đúng, lẽ ra số tiền này phải trả hết lại cho ông Nguyễn Văn H vì toàn bộ số tiền này trước đây do ông Nguyễn Văn H bỏ ra xây cất. Tuy nhiên, sau khi Nhà nước giải tỏa thì mỗi người có trách nhiệm đem hài cốt của người thân mình về đất riêng của mình để chôn cất, làm lại nhà mồ, do vậy số tiền trên cũng phải chia được làm 07 phần của 07 ngôi mộ thì mới phù hợp.

Hiện nay phần đất mà bà Nguyễn Thị Bé M bị thu hồi có các phần mộ, nhà mồ, hàng rào nhà mồ nêu trên thì phần nhà mồ, hàng rào nhà mồ còn nguyên vẹn

và chỉ còn 03 ngôi mộ là mộ của ông Ngô Văn Mùi, mộ của bà Lưu Thị Phu và mộ của ông Nguyễn Văn Cư. Phần mộ ông Nguyễn Văn Phạn và phần mộ bà Ngô Thị Gương thì ông Nguyễn Văn H đã di dời về đất của ông Nguyễn Văn H. Phần mộ của bà Ngô Thị Sinh (Xinh) thì tôi đã di dời về đất của tôi. Phần mộ của bà Nguyễn Thị Tuyết thì ông Nguyễn Văn Tâm đã di dời về đất của ông Nguyễn Văn Tâm.

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và tôi có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Công nhận số tiền 415.308.800 đồng, trong đó: Tiền bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng là tiền được bồi thường chung cho người thân có 07 ngôi mộ gồm:

- Ông Nguyễn Văn H có 03 ngôi mộ của người thân là cha, mẹ và em dâu.

- Bà Nguyễn Thị Bé M có 03 ngôi mộ của người thân là ông bà ngoại và cha ruột.

- Ông Lê Văn M có 01 ngôi mộ của người thân là bà Ngô Thị Sinh.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải chia số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 415.308.800 đồng làm 07 phần, trong đó bà Nguyễn Thị Bé M phải hoàn lại cho tôi một phần là 59.329.000 đồng.

** Bà Nguyễn Thị Bé M trình bày:*

Nguyên nguồn gốc thửa đất số 257 tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K là của cha mẹ tôi tên Nguyễn Văn Cư (chết năm 2018) và Ngô Thị Chốc (Chóc); hiện nay mẹ tôi đang sống với tôi. Trước kia mẹ tôi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này nhưng đến năm 2017 thì mẹ tôi đã sang tên cho tôi và tôi đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452, tổng diện tích đất là 7948,3m^2, loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp vào ngày 28/12/2017. Vào tháng 7/2021, Nhà nước thu hồi 417,6m^2 đất lúa của thửa đất này để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn huyện Châu Thành, nên diện tích đất của thửa 257 còn lại là 7530,7m^2, số tiền được Nhà nước bồi thường do bị thu hồi 417,6m^2 đất lúa lần này tôi đã nhận xong. Vào tháng 10-11/2021, tôi chuyển nhượng 4.485,1m^2 đất lúa của 7.530,7m^2 đất thuộc thửa 257 cho ông Trang Văn Thẩm; nhưng vào thời điểm đó thì diện tích đất chuyển nhượng giữa hai bên không đủ điều kiện để tách thửa nên tạm thời tôi và ông Trang Văn Thẩm làm thủ tục sang tên toàn bộ 7.530,7m^2 đất lúa thuộc thửa 257 cho ông Thẩm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452 đánh biến động sang tên ông Thẩm vào ngày 04/11/2021. Đến tháng 01/2022 thì Nhà nước cho tách thửa nên ông Thẩm và ông Nguyễn Văn Thủ (ông Thủ là bạn bè làm ăn với ông Thẩm) làm thủ tục tách 4.485,1m^2 đất lúa thuộc thửa 257 mà ông Thẩm đã chuyển nhượng của tôi vào năm 2021 cho ông Nguyễn Văn Thủ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452 vào ngày 07/01/2022, sang tên (chuyển nhượng) lại cho tôi diện tích đất còn lại của thửa đất số 257 là 3.045,6m^2 vào ngày 27/01/2022.

Trên phần đất lúa còn lại là 3.045,6m^2 thuộc thửa 257 này của tôi thì có nhà mồ và hàng rào nhà mồ do ông Nguyễn Văn H bỏ tiền ra xây dựng vào năm nào thì tôi không nhớ, trong nhà mồ này 07 ngôi mộ của thân tộc, cụ thể là của gia đình ông Nguyễn Văn H là 03 ngôi mộ, gia đình ông Lê Văn M là 01 ngôi mộ và gia đình tôi là 03 ngôi mộ như ông H và ông M đã trình bày. Ông ngoại tôi tên Ngô Văn Mùi, sinh năm 1909, chết vào năm 2001; bà ngoại tôi tên Lưu Thị Phu, chết vào năm 1992. Việc ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn M chôn cất người thân trên phần đất của tôi thì tôi và gia đình tôi đều đồng ý và không có ý kiến gì. Đến tháng 6 năm 2022, Nhà nước có thu hồi 865,9m^2 thuộc diện tích đất 3045,6m^2 thuộc thửa 257 của tôi theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện Châu Thành về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), diện tích đất lúa còn lại thuộc thửa 257 của tôi là 2.179,7m^2, diện tích đất bị thu hồi lần này đã đánh biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452 vào ngày 16/9/2022 (diện tích đất lúa còn lại thuộc thửa 257 đã đánh biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452 vào ngày 16/9/2022 mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ghi là 7.082,4m^2 là sai), trong đó có phần đất có nhà mồ, hàng rào nhà mồ và 07 ngôi mộ nêu trên cũng bị giải tỏa nên Nhà nước đã bồi thường cho tôi vào cuối tháng 6/2022 gồm các khoản tiền sau:

- Tiền 865,9m^2 đất bị thu hồi thì tôi đã nhận xong nhưng với số tiền là bao nhiêu thì tôi không nhớ.

- Phần mồ mả thì Nhà nước hỗ trợ di dời mỗi cái mồ là 34.980.000 đồng, tổng cộng là 244.860.000 đồng, số tiền này tôi đã nhận đủ. Tôi đã giao lại cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 03 cái mồ của cha mẹ và em dâu ông Nguyễn Văn Hai là 104.940.000 đồng vào ngày 27/7/2022, khi giao tiền cho ông H thì tôi có làm giấy tờ ký nhận với ông H. Cùng ngày này, tôi đã giao lại cho ông Lê Văn M với số tiền 01 cái mồ của bà Sinh là 34.980.000 đồng, khi giao tiền cho ông M thì tôi không có làm giấy tờ ký nhận với ông Lê Văn M.

- Tiền bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng, tổng cộng là 415.308.800 đồng, số tiền này tôi cũng đã nhận đủ một lần.

Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452 hiện nay do tôi giữ, không thế chấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Hiện nay phần đất mà tôi bị thu hồi là 865,9m^2 thuộc diện tích đất 3.045,6m^2 thuộc thửa 257 có các phần mộ, nhà mồ, hàng rào nhà mồ nêu trên thì phần nhà mồ, hàng rào nhà mồ còn nguyên vẹn và chỉ còn 03 ngôi mộ là mộ của ông Ngô Văn Mùi, mộ của bà Lưu Thị Phu và mộ của ông Nguyễn Văn Cư. Phần mộ ông Nguyễn Văn Phạn và phần mộ bà Ngô Thị Gương thì ông Nguyễn Văn Ha đã di dời về đất của ông Nguyễn Văn H. Phần mộ của bà Ngô Thị Sinh (Xinh) thì ông Lê Văn M đã di dời về đất của ông Lê Văn M. Phần mộ của bà Nguyễn Thị Tuyết thì ông Nguyễn Văn Tâm đã di dời về đất của ông Nguyễn Văn Tâm.

Tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M vì tôi đã giao tiền bồi thường di dời mồ mả cho ông H, ông M xong; còn phần tiền Nhà nước bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng, tổng cộng là 415.308.800 đồng mà tôi đã nhận là của tôi vì phần đất chôn 07 ngôi mộ nêu trên là đất thuộc quyền sử dụng của tôi.

* *Tại phiên tòa,* ông Nguyễn Văn H và ông Lê Văn M vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên; ông Nguyễn Văn H tự nguyện đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M, không có tranh chấp gì đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Do phát sinh tranh chấp trong việc nhận, hưởng tiền bồi thường di dời mồ mả nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Nguyễn Thị Bé M tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/8/2022; bà Nguyễn Thị Bé M có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bé M không có yêu cầu phản tố, ông Lê Văn M có yêu cầu độc lập. Qua xem xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, yêu cầu của ông Lê Văn M, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp tiền bồi thường di dời mồ mả" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ngày 06/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã phân công Kiểm sát viên Phạm Thị Thúy Kiều kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo Quyết định số 195/QĐ-VKS-DS (BL 23). Do Kiểm sát viên Phạm Thị Thúy Kiều chuyển công tác nơi khác, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phân công Kiểm sát viên Lê Quốc Thắng tham gia phiên tòa theo Quyết định số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/4/2023 (BL 206), nên Kiểm sát viên Lê Quốc Thắng tham gia phiên tòa hôm nay.

1.3. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Nguyễn Văn H trình bày rằng cha của ông là ông Nguyễn Văn Phạn, chết vào năm 1997, mẹ của ông là bà Ngô Thị Gương, chết vào năm 1978; lúc sinh thời thì cha mẹ ông Nguyễn Văn H có 04 người con gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Đèo. Bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1964, chết vào năm 1994 là vợ của ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Tuyết có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc Thùy, sinh năm 1983, Nguyễn Thùy Dung, sinh năm 1986, Nguyễn Long Hồ, sinh năm 1988. Lời trình bày nêu trên của ông Nguyễn Văn H được các ông, bà Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Thị Đèo và các anh, chị Nguyễn Ngọc Thùy, Nguyễn Thùy Dung, Nguyễn Long Hồ cũng như ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị Bé M tự nguyện thừa nhận, được chính quyền địa phương xác nhận. Việc ông Lê Văn M là con duy nhất của bà Ngô Thị Xinh (Sinh) cũng được các ông, bà, đương sự nêu trên, chính quyền địa phương xác nhận. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị Đèo, chị Nguyễn Ngọc Thùy, chị Nguyễn Thùy Dung, anh Nguyễn Long Hồ tự nguyện xác nhận ông Nguyễn Văn H là người bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào xung quanh để bảo vệ nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc phần đất của bà Ngô Thị Chốc (Chóc, mẹ của bà Nguyễn Thị Bé M) vào năm 2001, tự nguyện đồng ý cho ông Nguyễn Văn H được toàn quyền khởi kiện, giải quyết, tham gia tố tụng, nhận tiền đối với việc tranh chấp tiền bồi thường di dời mồ mả với bà Nguyễn Thị Bé M có liên quan đến phần mộ ông Nguyễn Văn Phạn, phần mộ bà Ngô Thị Gương, phần mộ bà Nguyễn Thị Tuyết, cam kết không khiếu nại gì về sau và xin được từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, xin được vắng mặt ở toàn bộ quá trình giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 166/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (BL 27, 39, 40, 47, 48, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 72, 83, 91, 96, 101, 102). Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành ghi nhận ý kiến và sự tự nguyện này của bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị Đèo, chị Nguyễn Ngọc Thùy, chị Nguyễn Thùy Dung, anh Nguyễn Long Hồ, không đưa bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị Đèo, chị Nguyễn Ngọc Thùy, chị Nguyễn Thùy Dung, anh Nguyễn Long Hồ vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.4. Về việc vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé M tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS, ngày 24/3/2023 cho bà Nguyễn Thị Bé M theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị Bé Mười có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 123, 191), được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn M, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Bé M theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

2.1.1. Về việc ai là người bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17:

Như đã nêu trên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Oanh, ông Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị Đèo, chị Nguyễn Ngọc Thùy, chị Nguyễn Thùy Dung, anh Nguyễn Long Hồ đều tự nguyện xác nhận là ông Nguyễn Văn H là người bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào xung quanh để bảo vệ nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 của bà Ngô Thị Chốc (Chóc, mẹ của bà Nguyễn Thị Bé M) vào năm 2001. Nội dung này cũng được những người trực tiếp xây dựng nhà mồ, hàng rào nhà mồ nêu trên là ông Khúc Khải Minh, ông Nguyễn Văn Tặng và người bà con của ba đương sự là ông Trần Văn Được xác nhận (BL 111, 113, 138). Hơn nữa, chính bà Nguyễn Thị Bé M cũng đã thừa nhận nội dung này (BL 96, 188). Do đó, Tòa án công nhận sự thừa nhận này của các đương sự, xác định ông Nguyễn Văn H là người bỏ tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 mà hiện nay bà Nguyễn Thị Bé M và ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn M đang tranh chấp về tiền bồi thường di dời mồ mả, bà Nguyễn Thị Bé M là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 508452.

2.1.2. Về số tiền bồi thường di dời mồ mả, nhà mồ, hàng rào nhà mồ và người nhận số tiền này:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bé M tự nguyện thừa nhận là bà đã nhận đủ một lần từ Nhà nước các khoản tiền mà bà được Nhà nước bồi thường theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành) vào cuối tháng 7/2022 gồm: Tiền bồi thường diện tích đất 865,9m^2 thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 bị thu hồi; tiền hỗ trợ di dời mỗi cái mồ là 34.980.000 đồng, tổng cộng là 244.860.000 đồng (Số tiền này bà Nguyễn Thị Bé M đã giao lại cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 03 cái mồ của cha mẹ và em dâu ông Nguyễn Văn H là 104.940.000 đồng, có làm giấy tờ ký nhận với ông H và bà đã giao lại cho ông Lê Văn M với số tiền 01 cái mồ của bà Sinh là 34.980.000 đồng, không có làm giấy tờ ký nhận với ông Lê Văn M vào cùng ngày 27/7/2022); tiền bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng, tổng cộng là 415.308.800 đồng; các khoản tiền hỗ trợ khác có liên quan. Sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị Bé M phù hợp với lời trình bày của các đương sự còn lại và các chứng từ chi trả, nhận tiền bồi thường do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kiên Giang cung cấp (BL 171- 181).

2.1.3. Việc bà Nguyễn Thị Bé M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H với lý do bà Nguyễn Thị Bé M đã giao tiền bồi thường di dời mồ (mả) cho ông Nguyễn Văn H xong; còn phần tiền Nhà nước bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng, tổng cộng là 415.308.800 đồng mà bà đã nhận là của bà vì phần đất chôn 07 ngôi mộ nêu trên là đất thuộc quyền sử dụng của bà.

Xét rằng: Lý do nêu trên của bà Nguyễn Thị Bé M là không thể chấp nhận được, bởi lẽ: Ông Nguyễn Văn H không tranh chấp với bà Nguyễn Thị Bé M về số tiền bồi thường diện tích đất 865,9m^2 thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 bị thu hồi và các khoản tiền hỗ trợ khác có liên quan theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Bé Mười để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành) cho bà Nguyễn Thị Bé M. Ông Nguyễn Văn H chỉ tranh chấp với bà Nguyễn Thị Bé M về số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ. Trong khi ông Nguyễn Văn H là người bỏ toàn bộ số tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, thì lẽ ra số tiền Nhà nước bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và số tiền Nhà nước bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng là phải thuộc toàn quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H mới là hợp lý. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé M phải chia số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 415.308.800 đồng làm 07 phần cho: Ông Nguyễn Văn H 03 phần là 177.987.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé M 03 phần là 177.987.000 đồng và ông Lê Văn M 01 phần là 59.329.000 đồng; trong đó bà Nguyễn Thị Bé M phải hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 177.987.000 đồng là ông H đã vì tình cảm gia đình, thân tộc và có lợi cho bà Nguyễn Thị Bé M. Vì vậy, qua thảo luận và nghị án, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

2.2. Xét yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M:

Cũng từ những nhận định nêu trên, ông Nguyễn Văn H là người bỏ toàn bộ số tiền ra xây dựng nhà mồ và hàng rào nhà mồ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, trong khu nhà mồ này có 01 ngôi mộ của bà Ngô Thị Sinh (Xinh, mẹ của ông Lê Văn M) và ông Nguyễn Văn H tự nguyện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé M phải chia số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 415.308.800 đồng làm 07 phần cho: Ông Nguyễn Văn H 03 phần là 177.987.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé M 03 phần là 177.987.000 đồng và ông Lê Văn M 01 phần là 59.329.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H tự nguyện đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M, không phản đối và không có tranh chấp gì đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M. Do đó, qua thảo luận và nghị án, Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M.

2.3. Việc bà Nguyễn Thị Bé M thanh toán số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ nêu trên cho ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn M như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.5. Về chi phí đo đạc là 314.000đ (Ba trăm mười bốn ngàn đồng), chi phí sao lục là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) (BL 162, 149): Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 237.316.000 đồng x 5% = 11.865.800đ (Mười một triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn H thuộc diện người cao tuổi và ông Nguyễn Văn H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (BL 05, 28) nên ông Nguyễn Văn H được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn M đã nộp là 1.483.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009728, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 105, 158, 160, 161, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 89 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Công nhận số tiền bồi thường nhà mồ là 299.080.800 đồng và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 116.228.000 đồng, tổng cộng là 415.308.800đ (Bốn trăm mười lăm triệu ba trăm lẽ tám ngàn tám trăm đồng) là tiền được bồi thường chung cho người thân có 07 ngôi mộ tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17 gồm: Ông Nguyễn Văn H có 03 ngôi mộ của người thân là mộ ông Nguyễn Văn Phạn, mộ bà Ngô Thị Gương và mộ bà Nguyễn Thị Tuyết; bà Nguyễn Thị Bé M có 03 ngôi mộ của người thân là mộ ông Ngô Văn Mùi, mộ bà Lưu Thị Phu và mộ ông Nguyễn Văn Cư; ông Lê Văn M có 01 ngôi mộ của người thân là mộ bà Ngô Thị Sinh (Xinh).

2- Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H tổng số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 177.987.000đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

3- Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn M tổng số tiền bồi thường nhà mồ và số tiền bồi thường hàng rào nhà mồ là 59.329.000đ (Năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng).

4- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5- Về chi phí đo đạc là 314.000đ (Ba trăm mười bốn ngàn đồng), chi phí sao lục là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng): Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6- Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.865.800đ (Mười một triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn H được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn M đã nộp là 1.483.000đ (Một triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009728, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (20/4/2023); bà Nguyễn Thị Bé M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương